

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/DS - ST

Ngày: 15 - 6 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Thanh Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Hà Bửu Khánh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2020/TLST - DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2021/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 266, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*1.1. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Đức Thạch D - chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng A.

*1.2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phạm Thái B - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A - chi nhánh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 279 đường Tr, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*1.3. Người được ủy quyền lại của nguyên đơn:* Ông Trần Thanh Th, sinh năm:

1978 - chức vụ: Trưởng phòng giao dịch G (có mặt, văn bản ủy quyền ngày 22/12/2020).

Địa chỉ: Khu phố Nội Ô, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Thanh N, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Nội Ô, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2020 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Thanh Th là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 15/01/2019, ông Lê Thanh N có ký giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1901500965 và bản các điều khoản chung về cấp tín dụng với Ngân hàng A chi nhánh Kiên Giang - phòng giao dịch G (gọi tắt là Ngân hàng), nội dung thỏa thuận như sau:

Ngân hàng cho ông N vay số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 24 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 15/01/2019), lãi suất cho vay trong hạn là 21%/ năm, được điều chỉnh hoặc không điều chỉnh trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay (sau đó, lãi suất được điều chỉnh là 21,4%/ năm theo quyết định số 3036/2019/QĐ - KHCHN ngày 16/9/2019 của Tổng giám đốc), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ hạn trả nợ chia thành 24 kỳ (24 lần), 01 tháng trả 01 lần, kỳ đầu tiên trả nợ ngày 15/02/2019, các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày 15 hàng tháng trả cho đến khi dứt nợ, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 1.250.000 đồng, trả tiền lãi hàng tháng tương ứng với dư nợ gốc.

Kể từ ngày giải ngân đến kỳ trả nợ lần thứ 03, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã làm việc, thông báo cho ông N biết việc ông vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông N không thực hiện. Ngày 16/9/2019, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ vay của ông N sang nợ quá hạn cho đến nay.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, ông N đã nhiều lần trả tiền vốn vay, tiền lãi cho Ngân hàng tổng cộng là 13.646.000 đồng (trong đó, trả tiền vốn là 10.000.000 đồng và trả tiền lãi là 3.646.000 đồng), hợp đồng tín dụng hiện nay đã quá hạn nhưng ông N vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

Vì vậy, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải trả cho Ngân hàng, các khoản tiền còn nợ tạm tính đến ngày 15/6/2021, cụ thể như sau: Tiền vay vốn còn nợ là 20.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7.492.932 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.472.840 đồng, tổng cộng các khoản là 29.965.771 đồng. Ngoài ra, yêu cầu

ông N phải tiếp tục trả tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ.

*Ông Lê Thanh N là bị đơn:* Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

*Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông N là bị đơn chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1901500965 ngày 15/01/2019 giữa ông N và Ngân hàng được ký kết tự nguyện phù hợp với Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ theo các thỏa thuận trong hợp đồng, thời hạn vay theo thỏa thuận là 24 tháng (kể từ ngày 15/01/2019 đến ngày 15/01/2021), việc trả nợ thực hiện theo kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên việc Ngân hàng chuyển nợ sang quá hạn, kể từ ngày 16/9/2020 đến nay là hoàn toàn phù hợp với nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Nguyên đơn xác định cho ông N vay số tiền là 30.000.000 đồng, sau đó ông N trả tiền vay vốn, tiền lãi nhiều lần tổng cộng là 13.646.000 đồng (trong đó, trả tiền vốn là 10.000.000 đồng và trả tiền lãi là 3.646.000 đồng) hoàn toàn phù hợp với các chứng từ do nguyên đơn cung cấp; ông N không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, có căn cứ xác định ông N còn nợ Ngân hàng tiền vay vốn là 20.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 16/9/2019 cho đến nay. Bảng tóm tắt sao kê ngày 15/6/2021 khách hàng Lê Thanh N, Ngân hàng cung cấp hoàn toàn phù hợp với nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp theo khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Mặt khác, Hợp đồng tín dụng đã quá hạn nhưng ông N

không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền vay vốn còn nợ là 20.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7.492.932 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.472.840 đồng, tổng cộng các khoản là 29.965.771 đồng. Ngoài ra, ông N còn phải chịu trả tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Về án phí: Đề nghị hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp và buộc ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu ông Lê Thanh N phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông N vay với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiêu dùng, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về địa chỉ nơi cư trú của ông Lê Thanh N là bị đơn, kết quả Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ: Trưởng khu phố Nội Ô, thị trấn G, huyện G xác định: Ông Lê Thanh N, sinh năm: 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: Khu phố Nội Ô, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, kể từ đầu năm 2020 đến nay, ông N không có mặt tại nơi cư trú, ông N đi đâu và làm gì, ban lãnh đạo khu phố không biết do ông N không trình báo. Mặt khác, Ngân hàng xác định không biết được ông N đi đâu, làm gì và ông N không có thông báo cho phía Ngân hàng được biết về việc thay đổi nơi cư trú (nếu có).

Căn cứ vào khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án xác định địa chỉ của ông N là: Khu phố nội Ô, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N. Tuy nhiên, ông N không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, Ông N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông N.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ngày 15/01/2019, ông Lê Thanh N ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1901500965 và bản các điều khoản chung về cấp tín dụng (gọi tắt là hợp đồng) với Ngân hàng A chi nhánh Kiên Giang - phòng giao dịch G (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền là 30.000.000 đồng. Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng của hai bên là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông N và Ngân hàng phải thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết và phải phù hợp với các quy định của pháp luật.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, việc trả nợ (tiền vốn và tiền lãi) được thực hiện theo kỳ, nếu đến kỳ hạn trả nợ ông N không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì phải có văn bản đề nghị gửi cho Ngân hàng xem xét việc gia hạn trả nợ nhưng ông N không thực hiện. Do đó, việc Ngân hàng chuyển nợ quá hạn, kể từ ngày 16/9/2019 cho đến nay là đúng với sự thỏa thuận của hai bên và có căn cứ chấp nhận.

Về việc thanh toán nợ trong quá trình thực hiện hợp đồng: Nguyên đơn xác định ông N trả tiền vay vốn, tiền lãi nhiều lần tổng cộng là 13.646.000 đồng (trong đó, trả tiền vốn là 10.000.000 đồng và trả tiền lãi là 3.646.000 đồng) hoàn toàn phù hợp với các chứng từ do nguyên đơn cung cấp. Cho nên, có căn cứ xác định ông N còn nợ Ngân hàng tiền vay vốn là 20.000.000 đồng và nợ tiền lãi, kể từ ngày 16/9/2019 tính đến ngày 15/6/2019 là 9.965.771 đồng (tiền lãi trong hạn là 7.492.932 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.472.840 đồng). Bảng tóm tắt sao kê khách hàng Lê Thanh N, ngày 15/6/2021 do Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp theo khoản 2 Điều 91 của Luật

các tổ chức tín dụng. Mặt khác, hợp đồng tín dụng nay đã quá hạn nhưng ông N không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N phải trả cho Ngân hàng tiền vay vốn còn nợ là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 9.965.771 đồng, tổng cộng các khoản là 29.965.771 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, ông N còn phải tiếp tục trả tiền lãi tương ứng với dư nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[3]. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 29.965.771 đồng x 5% = 1.498.288 đồng, tính tròn là 1.498.000 đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11, khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Lê Thanh N. Buộc ông N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A các khoản tiền, cụ thể sau:

Tiền vay vốn là 20.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7.492.932 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.472.840 đồng, tổng cộng các khoản là 29.965.771 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2021), ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1901500965 ngày 15/01/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho Ngân hàng A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 580.000 đồng (năm trăm tám mươi nghìn đồng), do ông Lê Anh O nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005592 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Lê Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.498.000 đồng (một triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng A có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/6/2021); ông Lê Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện G;
- Thi hành án huyện G;
- UBND TT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Thanh Phát**

